TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2024/HSST
Ngày 17/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đàm Văn Chung và ông Mông Văn Thành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Lục Thu Hồng – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Quảng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/HSST ngày 30/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/HSST-QĐTA ngày 04/9/2024 đối với bị cáo:

Lục Thị D - sinh năm 1992

Thẻ CCCD: 004192006823, cấp ngày 15/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1.

Nơi đăng ký thường trú: xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Lục Văn H (sinh năm 1968, đã chết); Con bà: Phùng Thị T (sinh năm 1968); Chồng: Nông Văn Đ (sinh năm 1992); Con: Có 01 con sinh năm 2022; Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 chị em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại theo quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 995/CĐKNCT-HS ngày 30/8/2024 của TAND huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Nguyễn Phương D1 - sinh năm 1993; ĐT: 0869061904
Địa chỉ: C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Thị Q - sinh năm 1994; ĐT: 0914255713
Địa chỉ: TDP H, Thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Long Văn V – sinh năm 1995; ĐT: 0862821910
Địa chỉ: Bản Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

2. Nông Văn Đ - sinh năm 1992;
Địa chỉ: M, xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
Tất cả những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lục Thị D, Nguyễn Phương D1 và Hoàng Thị Q quen biết nhau từ năm 2017 do cùng là giáo viên công tác tại Trường tiểu học xã T, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 9/2021 D chuyển công tác về Trường tiểu học C2, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian từ ngày 19/02/2022 đến 26/3/2022, do nợ nần và không có tiền tiêu sài cá nhân, cùng lúc đó được biết chị D1 và chị Q có nhu cầu xin chuyển vùng công tác về huyện Q nên D đã nảy sinh ý định lừa lấy tiền của chị Nguyễn Phương D1 và chị Hoàng Thị Q đem đi trang trải nợ nần và tiêu sài cá nhân. Cụ thể như sau:

Đầu năm 2022 D và D1 có trao đổi nói chuyện với nhau qua mạng xã hội Facebook mang tên "Bất hứa", tài khoản Z mang tên "Lục Diệu" và qua điện thoại. Qua trao đổi thì D biết D1 có nhu cầu xin chuyển vùng công tác về huyện Q. D nói với D1 là D có người quen có thể giúp D1 chuyển công tác và nói với D1 nếu muốn chuyển vùng về huyện Q thì hết khoảng hơn 100.000.000 đồng, nghe vậy thì D1 đồng ý. Mặc dù D không quen biết ai có thể giúp D1 chuyển công tác, nhưng D vẫn đưa ra thông tin gian dối và hứa hẹn với D1 đến tháng 5/2022 sẽ có quyết định chuyển vùng cho D1. Từ ngày 19/02/2022 đến ngày 26/3/2022 theo yêu cầu của D thì D1 đã chuyển khoản tiền cho D 06 lần với tổng số tiền là 215.000.000 đồng từ số tài khoản 8301215016156 tại Ngân hàng A1 mang tên Nguyễn Phương D1 đến số tài khoản 33010000524 666 tại Ngân hàng B mang tên Lục Thị D, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 19/02/2022 chuyển 40.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 20/02/2022 chuyển 35.000.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 23/02/2022 chuyển 30.000.000 đồng.

+ Lần 4: Ngày 26/02/2022 chuyển 50.000.000 đồng.

+ Lần 5: Ngày 27/02/2022 chuyển 30.000.000 đồng.

+ Lần 6: Ngày 26/3/2022 chuyển 30.000.000 đồng.

Do đã có mục đích chiếm đoạt từ trước nên sau khi nhận được tiền từ D1, D đã đem số tiền đi tiêu sài cá nhân hết. Đến tháng 6/2022, D1 không nhận được quyết định chuyển vùng công tác nên đã liên lạc với D để hỏi thì được D cho biết

số tiền đó D đã tiêu sài cá nhân hết mà không xin chuyển vùng cho D1. D1 đã nhiều lần liên lạc yêu cầu D trả lại số tiền trên nhưng D không trả. Sau đó D1 cùng chồng là Ngân Văn T1 đến nhà D yêu cầu D trả tiền thì D đã tự nguyện viết giấy xác nhận lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D1. Đến tháng 8/2023, D có chuyển khoản trả D1 3.000.000 đồng, sau đó D1 tiếp tục liên lạc với D nhiều lần nhưng không được. Do vậy, ngày 03/3/2024 chị Nguyễn Phương D1 làm đơn tố giác D về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình mở rộng điều tra xác định được: Cũng với hình thức lợi dụng lòng tin như trên, Lục Thị D còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1994, trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Cụ thể từ ngày 03/3/2022 đến ngày 25/3/2022, Lục Thị D đã yêu cầu chị Hoàng Thị Q chuyển khoản 06 lần với tổng số tiền là 180.000.000 đồng vào số tài khoản 33010000524666 thuộc Ngân hàng B do D là chủ tài khoản. Cụ thể:

+ Ngày 03/3/2022 chuyển 03 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 04/3/2022 chuyển 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 07/3/2022 chuyển số tiền 20.000.000 đồng.

+Ngày 25/3/2022 chuyển 02 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền từ Q, D không thực hiện việc xin chuyển vùng công tác cho Q như đã hứa mà đã đem số tiền đi trả nợ các App (ứng dụng) vay tiền O (không nhớ tên A) và tiêu sài cá nhân hết. D nói với Q là đến tháng 5/2022 sẽ có quyết định chuyển vùng công tác cho Q, nếu không chuyển được sẽ trả lại tiền cho Q. Đến tháng 6/2022 Q cùng anh Lương Văn C (chồng của chị Q) đến nhà D yêu cầu D trả tiền. Do không có tiền trả nên D đã tự nguyện viết "Bản cam kết" và hứa trả tiền cho Q mỗi năm với số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên từ đó đến nay D chưa trả được cho Q đồng nào. Do vậy, đến ngày 11/5/2024 chị Hoàng Thị Q làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra D khai: Để tạo lòng tin cho D1 và Q chuyển tiền cho mình, D đã tự tạo một tài khoản Zalo mang tên "Cô R", D nhắn tin với tài khoản "Cô R" xoay quanh nội dung nhờ "Cô R" xin chuyển công tác cho D1, Q. Sau đó chụp màn hình nội dung các tin nhắn đó gửi cho D1 và Q để D1 và Q tin tưởng chuyển tiền cho mình. Tuy nhiên số điện thoại để tạo tài khoản Zalo "Cô R" hiện nay D không còn nhớ, cũng không còn sử dụng. Đối với tài khoản Facebook "Bất hứa" do đã lâu không sử dụng nên D không còn nhớ mật khẩu đăng nhập. Chiếc điện thoại đã bị hỏng nên D đã bán cho một người thu mua phế liệu mà D không quen biết. Sau khi điện thoại bị mất D có dùng điện thoại của anh Nông Văn Đ (là chồng của D) có số điện thoại 0977767432 để nhắn tin liên lạc với D1. Tuy nhiên anh Đ không biết D dùng số điện thoại của mình để liên lạc. Còn số điện thoại trước đó dùng để liên lạc với D1 là do D một mình quản lý và sử dụng, hiện nay D đã không còn sử dụng số điện thoại này.

Với những hành vi như trên, bị cáo bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[2] Về diễn biến tại phiên tòa:

[2.1] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Phương D1 yêu cầu Lục Thị D phải trả lại số tiền 212.000.000 đồng đã chiếm đoạt (đã trừ 3.000.000 đồng Diệu chuyển khoản cho D1).

- Bị hại Hoàng Thị Q yêu cầu Lục Thị D phải trả lại số tiền 180.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

[2.2] Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội bị cáo Lục Thị D về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, do bị cáo không có nghề nghiệp và buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.3] Phần tranh luận: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận. Bị hại không có ý kiến gì thêm.

[2.4] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Do nợ nần và không có tiền tiêu sài cá nhân, nên trong thời gian từ ngày 19/02/2022 đến 26/3/2022 bị cáo Lục Thị D đã dùng thủ đoạn gian dối giúp xin chuyển vùng công tác để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của chị Nguyễn Phương D1 (sinh năm 1993, trú tại: xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng) 06 lần với tổng số tiền là 215.000.000 đồng *(Hai trăm mười lăm triệu đồng*). Sau khi nhận được tiền do chị D1 chuyển cho, D đã đem đi trả nợ và tiêu

sài cá nhân hết. Đến tháng 8/2023 D chuyển khoản trả cho chị D1 số tiền 3.000.000 đồng.

Trong thời gian từ ngày 03/3/2022 đến ngày 25/3/2022 cùng với thủ đoạn như trên, bị cáo Lục Thị D đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của chị Hoàng Thị Q (sinh năm 1994, trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) 08 lần với tổng số tiền là 180.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu đồng).* Sau khi nhận được tiền từ chị Q, D đã đem đi trả nợ và tiêu sài cá nhân hết.

Tổng tài sản mà bị cáo Lục Thị D đã chiếm đoạt của Nguyễn Phương D1 và Hoàng Thị Q là 392.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi hai triệu đồng)*

Cho nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng sự tin tưởng các bị hại nhằm chiếm đoạt lấy tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền nhiều lần của bị hại, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, tuy nhiên khi đề xuất mức hình phạt tù đối với bị cáo từ 08 đến 09 năm là nhẹ, chưa tương xứng với hậu quả mà bị cáo đã gây ra đối với các bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt là lớn, bị cáo chưa khắc phục hậu quả được phần nào cho các bị hại, lại có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Vì vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu của các bị hại là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng chuyển kèm theo Cáo trạng, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: *Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:*

Tuyên bố bị cáo Lục Thị D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lục Thị D **10 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Căn cứ Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự;*

Buộc bị cáo Lục Thị D phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Phương D1 (Địa chỉ: C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng) 212.000.000 đồng (Hai trăm mười hai triệu đồng) và bồi thường cho bị hại Hoàng Thị Q (Địa chỉ: TDP H, Thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị cáo chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPy 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

3. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Buộc bị cáo Lục Thị D phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 19.600.000,đ (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự (392.000.000,đ x 5%) để sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:* Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ - CATCB;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Công an huyện Quảng Hòa;
- Chi Cục THADS huyện Quảng Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp